

# KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG ĐỊNH HƯỚNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

PGS, TS ĐINH THỊ ANGA,

TS NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

ThS LÊ THÙY LINH

*Công ty Trách nhiệm hữu hạn First Trust ACPA Vietnam*

Ngày nhận bài: 16/3/2026; Ngày phản biện: 16/3/2026; Ngày duyệt đăng: 14/4/2026.

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích vai trò của Chính phủ trong định hướng và hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng năng lực cạnh tranh quốc tế. Nghiên cứu kinh nghiệm của ba quốc gia châu Á tiêu biểu là Singapore, Hàn Quốc và Trung Quốc cho thấy, các quốc gia này đều phát huy vai trò định hướng chiến lược của nhà nước, xây dựng môi trường thể chế thuận lợi, đầu tư mạnh cho khoa học, công nghệ và triển khai các công cụ chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, chuyển đổi số và quốc tế hóa. Từ những kinh nghiệm đó, bài viết rút ra một số bài học và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

● **Từ khóa:** Năng lực cạnh tranh quốc tế; Nhà nước kiến tạo phát triển; Chính sách công nghiệp; Doanh nghiệp Việt Nam; Chuỗi giá trị toàn cầu.



## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang định hình một giai đoạn toàn cầu hóa kiểu mới, hay còn gọi là toàn cầu hóa 4.0, sự phát triển vượt bậc của công nghệ số đang thiết lập lại “luật chơi” của nền kinh tế toàn cầu. Điều này yêu cầu các quốc gia vừa phải xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, vừa chủ động hội nhập sâu rộng. Đối với Việt Nam, chủ trương độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế đã được khẳng định nhất quán trong đường lối đổi mới. Để tận dụng được thời cơ và hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển vào năm 2045, Việt Nam cần một thể hệ doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế mạnh mẽ và khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Điều này đòi hỏi vai trò kiến tạo và dẫn dắt của Chính phủ; đồng thời, đặt ra câu hỏi: Chính phủ có thể làm gì, làm như thế nào để kiến tạo môi trường và hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra quốc tế thành công?

## 2. Cơ sở lý luận và khung phân tích

Năng lực cạnh tranh quốc tế ở cấp doanh nghiệp là một khái niệm phức tạp và chưa có một định nghĩa hoàn toàn thống nhất trong nghiên cứu học thuật. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu đều xem đây là khả năng doanh nghiệp duy trì và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế thông qua việc tạo ra và bảo vệ lợi thế cạnh tranh bền vững, thể hiện qua hiệu quả hoạt động, năng lực đổi mới, khả năng thích ứng và kết quả kinh doanh tại thị trường nước ngoài.

Theo cách tiếp cận của Cerrato và Depperu (2011), năng lực cạnh tranh quốc tế có thể được phân tách thành ba thành phần có liên hệ chặt chẽ với nhau như: 1) Lợi thế cạnh tranh tiềm năng; 2) Hồ sơ quốc tế hóa của doanh nghiệp; 3) Kết quả cạnh tranh quốc tế.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp gắn liền với mức độ ứng dụng công nghệ số, khả năng đổi mới sáng tạo, tham gia vào mạng lưới giá trị toàn cầu, và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến chất lượng, môi trường, dữ liệu và tính bền vững (World Economic Forum, 2019). Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, 2019) nhấn mạnh rằng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn phụ thuộc mạnh mẽ vào môi trường thể chế, chính sách, hệ sinh thái đổi mới, và kết cấu hạ tầng của quốc gia. Do đó, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp không chỉ là vấn đề vi mô, mà còn mang tính hệ thống, đòi hỏi sự tương tác giữa nhà nước, thị trường và các chủ thể đổi mới.

Vai trò của chính phủ trong phát triển doanh nghiệp và công nghiệp đã được lý thuyết hóa trong nhiều trường phái kinh tế. Một trong những lý thuyết có ảnh hưởng lớn nhất là khái niệm nhà nước kiến tạo phát triển, do Chalmers Johnson giới thiệu trong công trình kinh điển “MITI và phép màu Nhật Bản”. Johnson (1982) đã mô tả nhà nước kiến tạo phát triển là mô hình trong đó chính phủ đặt mục tiêu công nghiệp hóa nhanh làm trọng tâm; đồng thời, sử dụng các công cụ chính sách mạnh như tín dụng ưu đãi, điều tiết thương mại, định hướng đầu tư và chủ động hỗ trợ công nghệ để thúc đẩy sự trỗi dậy của các ngành công nghiệp chiến lược.

Trong nghiên cứu về Hàn Quốc, Amsden (1989, 139-145) đã phát triển tiếp luận điểm này khi cho rằng, nhà nước phát triển thường làm sai lệch giá cả tương đối nhằm tạo ưu thế chi phí cho các ngành ưu tiên. Điều này bao gồm trợ cấp tín dụng, bảo hộ tạm thời, điều chỉnh tỷ giá và áp

đặt kỷ luật hiệu suất đối với doanh nghiệp nhận hỗ trợ. Nhờ các chính sách can thiệp có mục tiêu, các doanh nghiệp lớn như: Các tập đoàn gia đình lớn (Chaebol) ở Hàn Quốc hay các tập đoàn công nghiệp trọng điểm tại Nhật Bản (Keiretsu) đã xây dựng được năng lực công nghệ và quản trị để cạnh tranh toàn cầu.

Những phân tích trên cho thấy, trong các nền kinh tế công nghiệp hóa muộn, đặc biệt tại Đông Á, chính phủ đóng vai trò tạo lập điều kiện để doanh nghiệp nội địa trưởng thành và nâng cấp trong chuỗi giá trị.

### **3. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong định hướng và hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng năng lực cạnh tranh quốc tế**

#### *Kinh nghiệm của Singapore*

Từ một quốc gia có diện tích nhỏ với điều kiện rất hạn chế về tài nguyên, nhờ chiến lược phát triển đúng đắn và bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, Singapore đã vươn lên thành nền kinh tế có thu nhập cao và là trung tâm thương mại, tài chính hàng đầu thế giới. Khác với mô hình công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu ở một số nước đang phát triển, Singapore chọn cách thu hút các công ty đa quốc gia để nhanh chóng tiếp thu công nghệ và mở rộng xuất khẩu (Chia, 2015). Từ nền kinh tế thương cảng trung chuyển, Singapore đã tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế tạo như điện tử, hóa dầu trong thập niên 1970-1980, sau đó chuyển dịch sang các lĩnh vực thâm dụng tri thức hơn như dịch vụ tài chính, công nghệ thông tin, được phẩm sinh học vào các thập niên 1990-2000. Hiện nay, Singapore đã trở thành một trong những nền kinh tế cạnh tranh nhất toàn cầu. Năm 2019, nước này xếp hạng số 1 thế giới về năng lực cạnh tranh tổng thể trong Báo cáo Cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, 2019).

*Về định hướng chiến lược của nhà nước:* Chính phủ Singapore đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng phát triển kinh tế thông

qua các tầm nhìn dài hạn và hệ thống kế hoạch chiến lược liên tục được cập nhật. Ngay từ Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm đầu tiên (1961-1964), Singapore đã tập trung vào công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu.

Thực tế cho thấy, Singapore luôn đi tiên phong trong việc dự báo xu hướng và xác định ngành ưu tiên để duy trì lợi thế cạnh tranh. Gần đây, trước làn sóng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, năm 2014, Thủ tướng Lý Hiển Long khởi xướng tầm nhìn trở thành “quốc gia thông minh” nhằm tận dụng công nghệ kỹ thuật số nâng cao đời sống và kinh tế (Government Technology Agency of Singapore (GovTech), 2024).

Bên cạnh đó, Chính phủ Singapore cũng ban hành các chiến lược quốc gia quan trọng về trí tuệ nhân tạo (National AI Strategy 2019) và kinh tế xanh (Singapore Green Plan 2030). Đặc biệt, từ năm 2016, Singapore đã triển khai các Chương trình Chuyển đổi công nghiệp (ITM), xây dựng lộ trình phát triển cho 23 ngành kinh tế trọng điểm (chiếm khoảng 80% nền kinh tế) (Ministry of Trade and Industry, 2024). Theo đó, mỗi ITM xác định rõ tầm nhìn ngành đến năm 2025, với các trụ cột bao gồm: Nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, nâng kỹ năng lao động và quốc tế hóa thị trường. Việc triển khai được giám sát bởi Hội đồng Kinh tế tương lai do Phó Thủ tướng đứng đầu (Ministry of Trade and Industry, 2024).

Có thể thấy, Singapore là ví dụ điển hình về nhà nước hoạch định chiến lược chủ động, trong đó chính phủ liên tục tự làm mới chiến lược phát triển để thích ứng với các biến động toàn cầu, qua đó định hướng cho doanh nghiệp trong nước chuyển dịch sang các lĩnh vực giá trị gia tăng cao hơn.

*Về thể chế và môi trường cạnh tranh:* Singapore được đánh giá là một trong những quốc gia có môi trường kinh doanh minh bạch hàng đầu thế giới. Chính phủ Singapore đã xây dựng được một nền quản trị công quyền hiệu lực, liêm chính với đội ngũ công chức chuyên nghiệp có mức lương cao

để hạn chế tham nhũng. Bộ máy điều hành tinh gọn cùng quy trình ra quyết định nhanh chóng đã tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp. Theo World Bank (2020), Singapore xếp hạng 2/190 về mức độ thuận lợi kinh doanh (chỉ sau New Zealand) nhờ các thủ tục thành lập doanh nghiệp, tiếp cận tín dụng, giấy phép xây dựng... rất đơn giản và ít chi phí. Nhìn chung, Singapore đã kiến tạo một hệ sinh thái mà ở đó doanh nghiệp có điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực, từ hạ tầng “cứng” đến thể chế “mềm”.

*Về bộ công cụ hỗ trợ doanh nghiệp:* Chính phủ Singapore đã tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ có mục tiêu nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp, nhất là về công nghệ, đổi mới sáng tạo và quốc tế hóa.

Singapore là nước đi đầu ASEAN về thúc đẩy chuyên đổi số cho doanh nghiệp. Năm 2017, Chính phủ khởi xướng chương trình “SMEs Go Digital”, giao Cơ quan Phát triển Truyền thông (IMDA) và Enterprise Singapore thực hiện. Chương trình xây dựng các hướng dẫn số hóa theo ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời cung cấp hỗ trợ tài chính để doanh nghiệp mua sắm giải pháp công nghệ thông tin phù hợp. Nhờ những nỗ lực này, tỷ lệ ứng dụng công nghệ số trong khu vực SME của Singapore thuộc nhóm cao nhất khu vực (IMDA, 2021).

Chính phủ Singapore đã chi ngân sách lớn cho các kế hoạch 5 năm về nghiên cứu, đổi mới doanh nghiệp. Giai đoạn 2021-2025, ngân sách Nghiên cứu, Đổi mới và Doanh nghiệp (RIE) 2025 của Singapore lên tới 25 tỷ đôla Singapore (National Research Foundation Singapore (NRF), 2022), tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như kỹ thuật số, sản xuất tiên tiến, y sinh và phát triển bền vững. Số liệu năm 2023 cho thấy, Singapore đã vươn lên đứng thứ 5 toàn cầu về Chỉ số Đổi mới Toàn cầu (GII) (WIPO, 2023), trong đó đặc biệt dẫn đầu ở trụ cột năng lực nghiên cứu.

Bên cạnh đó, Chính phủ Singapore đã hợp

nhất IE Singapore và SPRING Singapore thành Enterprise Singapore từ năm 2018 nhằm tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, đổi mới và mở rộng ra thị trường nước ngoài. Trong năm tài khóa 2021, Enterprise Singapore đã hỗ trợ 22.100 doanh nghiệp xây dựng năng lực mới, đổi mới và mở rộng ra nước ngoài, tăng 44% so với năm 2020 (Enterprise Singapore, 2022). Ngoài ra, Chính phủ Singapore đã tận dụng mạnh mẽ chính sách thương mại để mở đường cho doanh nghiệp, cụ thể: Singapore đã ký 27 FTA, bao phủ hơn 85% đối tác thương mại của mình (MTI, 2026). Nhờ đó, doanh nghiệp Singapore được hưởng ưu đãi thuế quan và tiếp cận thuận lợi nhiều thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản...

Nhờ chiến lược nhất quán và sự hỗ trợ hiệu quả của nhà nước, doanh nghiệp Singapore có năng lực cạnh tranh thuộc nhóm cao trên thế giới so với quy mô quốc gia. Theo Văn phòng Sở hữu trí tuệ Singapore, năm 2023, Singapore xếp ở vị trí thứ 5 toàn cầu và dẫn đầu khu vực châu Á về chỉ số đổi mới sáng tạo (Intellectual Property Office of Singapore, 2023). Nhìn chung, kinh nghiệm từ Singapore cho thấy một mô hình thành công về vai trò “bà đỡ” của nhà nước: Chính phủ kiến tạo một tầm nhìn phát triển rõ ràng, xây dựng môi trường kinh doanh hàng đầu và dùng đa dạng công cụ chính sách để nâng tầm doanh nghiệp, giúp họ cạnh tranh hiệu quả trên trường quốc tế.

### ***Kinh nghiệm của Hàn Quốc***

Từ một nước nghèo sau chiến tranh, Hàn Quốc đã vươn lên trở thành một trong những nước công nghiệp hóa thành công nhất thế kỷ XX nhờ chiến lược phát triển dựa trên công nghiệp xuất khẩu do nhà nước định hướng mạnh mẽ trong giai đoạn 1960-1980. Trong quá trình đó, các tập đoàn gia đình lớn (chaebol) như Samsung, Hyundai, LG hay SK trỗi dậy thành lực lượng dẫn dắt công nghiệp, được nhà nước ưu tiên tiếp cận tín dụng, ngoại tệ và các ưu đãi

đề đầu tư quy mô lớn, đòi lại phải đáp ứng các mục tiêu xuất khẩu và hiệu quả do chính phủ đặt ra. Mô hình này tạo nên mối quan hệ cộng sinh chặt chẽ giữa nhà nước và doanh nghiệp lớn, qua đó kết hợp được kỷ luật thị trường với định hướng chiến lược của nhà nước trong khuôn khổ nhà nước kiến tạo phát triển ở Đông Á (Chang, 1994; Wade, 2018; Woo-Cumings, 2019).

*Về định hướng chiến lược của nhà nước:* Ngay từ thập niên 1960, Hàn Quốc coi xuất khẩu là ưu tiên hàng đầu của nền kinh tế. Nhà nước định hướng chiến lược phù hợp với trình độ phát triển ở mỗi thời kỳ: Thập niên 1970 là chiến lược Công nghiệp nặng và hóa chất (HCI) để nâng cấp từ ngành công nghiệp nhẹ sang ngành công nghiệp nặng; thập niên 1980 tập trung vào điện tử, bán dẫn; thập niên 1990 sau khủng hoảng tài chính chuyển sang công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ tri thức. Đến thế kỷ XXI, Hàn Quốc xác định phải trở thành nền kinh tế dẫn đầu về đổi mới sáng tạo; đồng thời, đặt ra mục tiêu trở thành trung tâm toàn cầu về văn hóa và dịch vụ sáng tạo. Có thể thấy, tính liên tục và nhất quán trong định hướng chiến lược của Hàn Quốc đã tạo sự tin cậy và định hướng dài hạn cho doanh nghiệp.

*Về thể chế và môi trường cạnh tranh:* Sau năm 1998, Hàn Quốc cải cách mạnh mẽ minh bạch hóa và thị trường hóa nền kinh tế theo yêu cầu của IMF, đồng thời ban hành nhiều luật thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm giảm khoảng cách với chaebol. Đến thập niên 2010, môi trường kinh doanh của Hàn Quốc đã tiệm cận các nước OECD về minh bạch và thuận lợi (năm 2020 Hàn Quốc xếp hạng 5/190 về môi trường kinh doanh) (World Bank, 2020). Hạ tầng của Hàn Quốc cũng thuộc nhóm phát triển hàng đầu: Hệ thống cảng biển (Busan, Incheon) và logistics hỗ trợ mạnh mẽ xuất khẩu; mạng lưới internet và viễn thông phủ rộng với tốc độ nằm trong nhóm cao nhất thế giới, tạo nền tảng cho kinh tế số phát triển. Về nguồn nhân lực, Hàn Quốc có tỷ lệ người trẻ

học đại học thuộc nhóm cao nhất thế giới (gần 70%), qua đó, sở hữu lực lượng lao động được đào tạo tốt, có kỹ năng và kỷ luật. Tuy nhiên, sự thống lĩnh của các chaebol khiến doanh nghiệp vừa và nhỏ khó phát triển, thị trường nội địa không hoàn toàn cạnh tranh tự do. Nhận thức rõ điều này, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành Luật Chống độc quyền, Luật Thương mại công bằng từ thập niên 1980, song hiệu quả điều tiết còn hạn chế do ảnh hưởng chi phối đáng kể của các chaebol.

*Về bộ công cụ hỗ trợ doanh nghiệp:* Trong giai đoạn 1960-1980, Chính phủ Hàn Quốc sử dụng rất quyết liệt các công cụ chính sách để thúc đẩy doanh nghiệp công nghiệp. Các công cụ chủ đạo gồm: Tín dụng ưu đãi có chỉ định; ưu đãi thuế và trợ cấp; điều chỉnh tỷ giá và lương; bảo hộ thị trường nội địa có chọn lọc; liên doanh và chuyển giao công nghệ; xúc tiến thương mại do nhà nước hỗ trợ. Ngoài ra, Chính phủ tổ chức các phái đoàn thương mại thường niên do bộ trưởng dẫn đầu đến nhiều quốc gia nhằm quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm Hàn Quốc. Sang giai đoạn sau thập niên 1990, dưới nhiều công cụ chính sách truyền thống như: Phân bổ tín dụng và mức độ bảo hộ cao buộc phải từng bước thu hẹp do sức ép hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, Chính phủ Hàn Quốc vẫn tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp theo những cách phù hợp với thông lệ quốc tế hơn như: Tăng đầu tư cho R&D, giáo dục, mở rộng hạ tầng kỹ thuật số, và khuyến khích đổi mới trong doanh nghiệp. Hàn Quốc thành lập hệ thống các viện nghiên cứu công nghiệp trọng điểm từ thập niên 1980 (như: Viện Khoa học công nghệ KAIST, Viện Nghiên cứu Điện tử và Viễn thông ETRI, Viện Máy móc và Vật liệu KIMM...), cung cấp nền tảng nghiên cứu mà doanh nghiệp có thể ứng dụng. Đồng thời, các doanh nghiệp lớn của Hàn Quốc cũng chủ động đầu tư mạnh cho R&D. Năm 2022, tổng chi cho R&D của Hàn Quốc đạt 112,6 nghìn tỷ won (khoảng 85

tỷ USD), chiếm tới 5,21% GDP, đứng thứ 2 thế giới sau Israel (Ko & Kim, 2023). Đáng chú ý là, khu vực tư nhân đóng góp khoảng 77% trong tổng R&D (chủ yếu từ các chaebol), cho thấy doanh nghiệp Hàn Quốc đã trưởng thành và tự chủ trong hoạt động đổi mới sáng tạo (Ko & Kim, 2023). Nhà nước vẫn hỗ trợ gián tiếp qua ưu đãi thuế R&D, tạo vườn ươm công nghệ và kết nối viện trường với doanh nghiệp. Ngoài ra, Hàn Quốc tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ quốc tế hóa: bên cạnh vai trò của Cơ quan xúc tiến thương mại và đầu tư Hàn Quốc (KOTRA) xúc tiến thương mại, chính phủ từ năm 2006 triển khai chương trình “đi ra toàn cầu” cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, lập quỹ hỗ trợ SMEs mua lại công ty nước ngoài hoặc xây dựng kênh phân phối quốc tế. Nhờ sự chung tay của nhà nước và doanh nghiệp, Hàn Quốc hiện là cường quốc xuất khẩu. Trong đó, tỷ trọng hàng công nghệ cao trong xuất khẩu chế tạo của Hàn Quốc chiếm tỷ lệ khoảng 30% (World Bank, 2024), thuộc nhóm cao nhất thế giới, phản ánh năng lực cạnh tranh công nghệ cao của các doanh nghiệp nước này.

Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, một nhà nước có chiến lược rõ ràng và kỷ luật có thể thúc đẩy doanh nghiệp nội địa vươn lên mạnh mẽ trên thị trường quốc tế. Thành tựu nổi bật nhất là các chaebol Hàn Quốc hiện diện trong hầu hết ngành công nghiệp toàn cầu. Tính đến năm 2022, có 16 công ty Hàn Quốc nằm trong danh sách Fortune Global 500 (BNEWS, 2022). Các doanh nghiệp này đã đưa thương hiệu Hàn Quốc vươn tầm quốc tế và đem lại lợi thế cạnh tranh quốc gia đáng kể. Những kết quả này phần lớn đến từ chiến lược đúng đắn và sự hỗ trợ kiên định của nhà nước trong suốt nhiều thập kỷ.

#### ***Kinh nghiệm của Trung Quốc***

Trung Quốc là một trường hợp điển hình của nền kinh tế chuyên đổi quy mô lớn. Từ khi tiến hành cải cách và mở cửa năm 1978, nền kinh tế nước này duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình

khoảng 9,5% trong giai đoạn dài, qua đó vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (An Nhiên, 2018). Về cơ cấu, Trung Quốc chuyển nhanh từ các ngành thâm dụng lao động sang nhiều lĩnh vực công nghệ cao, nhờ mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc kết hợp cơ chế thị trường với chỉ đạo chiến lược của nhà nước. Từ thập niên 1980, các kế hoạch 5 năm liên tục ưu tiên hiện đại hóa công nghiệp; đến thập niên 2000, trọng tâm xoay sang đổi mới tự chủ. Mốc đáng chú ý là Quy hoạch khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2020 đặt mục tiêu xây dựng xã hội sáng tạo, tiếp đó (năm 2010) xác định bảy ngành trụ cột chiến lược. Năm 2015, chiến lược “Made in China 2025” đề ra mục tiêu nâng cấp toàn diện công nghiệp, với yêu cầu nội địa hóa linh kiện cốt lõi (40% vào năm 2020; 70% vào năm 2025) và tập trung vào 10 ngành ưu tiên như công nghệ thông tin tiên tiến, robot, hàng không vũ trụ, đường sắt cao cấp, xe năng lượng mới, vật liệu mới, dược phẩm công nghệ cao. Từ năm 2020, khái niệm tuần hoàn kép nhấn mạnh mở rộng thị trường nội địa và tự cường công nghệ, song hành kế hoạch “Tiêu chuẩn Trung Quốc 2035”. Trước sự gia tăng căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung, Bắc Kinh càng đề cao tự chủ công nghệ, hướng tới vị thế dẫn đầu trong các ngành công nghiệp tương lai.

Về thể chế, môi trường cạnh tranh và bộ công cụ chính sách: Để nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, Chính phủ Trung Quốc đã sử dụng một bộ công cụ đa dạng, có thể nhóm thành các phương diện chính sau:

*Một là*, hỗ trợ tài chính công quy mô lớn: Bên cạnh quỹ, các ngân hàng chính sách như Ngân hàng Phát triển Trung Quốc, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc cung cấp tín dụng ưu đãi không lò cho doanh nghiệp trong các dự án hạ tầng, xuất khẩu. Ngoài ra, chính phủ Trung Quốc đầu tư rất mạnh vào hạ tầng “cứng” hỗ trợ công nghiệp. Trên cơ sở đó, hình thành mạng lưới

đường bộ, cảng biển, logistics hiện đại, giúp giảm chi phí vận chuyển và tăng tốc độ giao thương cho doanh nghiệp. Trung Quốc cũng phát triển hàng loạt khu công nghiệp chuyên biệt và khu công nghệ cao trên khắp cả nước. Các khu này cần được ưu đãi đất đai, thuế, hạ tầng sẵn sàng, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và có môi trường thuận lợi để phát triển công nghệ. Chiến lược phát triển thành phố chuyên ngành cũng được áp dụng, chẳng hạn, Quảng Châu nổi lên trong công nghiệp ô tô, Vũ Hán thành trung tâm quang điện tử, Trùng Khánh thành trung tâm laptop..., tạo cụm liên kết ngành hiệu quả.

*Hai là*, hỗ trợ đổi mới và phát triển công nghệ: Để nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp, Trung Quốc đã triển khai nhiều chương trình khoa học - công nghệ quốc gia quy mô lớn. Ngay từ thập niên 1980-1990, đã có các Chương trình 863 (phát triển công nghệ cao) và Chương trình 973 (nghiên cứu cơ bản) tài trợ hàng tỷ nhân dân tệ cho các dự án R&D trọng điểm. Hiện nay, ngân sách khoa học công nghệ Trung Quốc thuộc hàng cao nhất thế giới. Năm 2022, tổng chi R&D của Trung Quốc đạt 3,09 nghìn tỷ nhân dân tệ (khoảng 456 tỷ USD), tương đương 2,54% GDP, tăng liên tục từ mức 1,3% GDP năm 2005 (National Bureau of Statistics of China, 2023). Chính quyền cũng xây dựng liên minh đổi mới trong các ngành, tập hợp doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học để phối hợp nghiên cứu công nghệ cốt lõi, như Liên minh Sáng tạo Trung Quốc về 5G (IMT-2020) thành lập năm 2013 quy tụ Huawei, ZTE, các nhà mạng, viện nghiên cứu... để cùng phát triển tiêu chuẩn 5G. Kết quả, Trung Quốc đã có đóng góp lớn vào chuẩn 5G quốc tế và Huawei trở thành hãng dẫn đầu về bằng sáng chế 5G.

Về chính sách thị trường và chuẩn mực để hỗ trợ doanh nghiệp nội địa: Trung Quốc sử dụng sức mua của thị trường nội địa như một đòn bẩy để nâng cao lực cạnh tranh cho công ty trong

nước. *Một mặt*, Trung Quốc thực hiện chính sách nội địa hóa trong mua sắm công, *mặt khác*, áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật nội địa riêng để tạo rào cản phù hợp cho doanh nghiệp nội phát triển. Gần đây, Trung Quốc đẩy mạnh chiến lược “Tiêu chuẩn Trung Quốc 2035” nhằm định hình tiêu chuẩn quốc tế cho các công nghệ mới (AI, IoT, xe tự lái...). Chính phủ Trung Quốc khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia các tổ chức định chuẩn quốc tế (Sheehan et al., 2021) để có tiếng nói, thậm chí đưa công nghệ của mình thành tiêu chuẩn toàn cầu.

Về thúc đẩy doanh nghiệp “đi ra toàn cầu”: Chính phủ thông qua Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại thuộc Bộ Thương mại và các đại sứ quán tích cực hỗ trợ doanh nghiệp Trung Quốc tìm hiểu thị trường nước ngoài, tham gia đàm phán và ký kết các hiệp định song phương nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế. Đến năm 2022, Trung Quốc đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ hai thế giới (sau Mỹ) với tổng vốn FDI ra nước ngoài lũy kế đạt 2,6 nghìn tỷ USD (UNCTAD, 2024). Các doanh nghiệp Trung Quốc cũng hiện diện nhiều hơn trong bảng xếp hạng toàn cầu. Năm 2023, Fortune Global 500 có 142 công ty từ Greater China, nhiều hơn 136 công ty Mỹ; đây là năm thứ 5 liên tiếp Trung Quốc dẫn trước Mỹ về số lượng doanh nghiệp trong danh sách (MarketTimes, 2023). Điều này cho thấy, sức mạnh và quy mô của doanh nghiệp Trung Quốc trên trường quốc tế đã tăng vượt bậc.

Chính sách công nghiệp mạnh mẽ của Trung Quốc đã giúp nước này đạt nhiều thành tựu về nâng cao năng lực doanh nghiệp. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, một mô hình nhà nước phát triển kiểu mới trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, nơi nhà nước dùng mọi nguồn lực có thể để xây dựng năng lực công nghiệp nội địa và doanh nghiệp trong nước trở nên hùng mạnh.

#### **4. Bài học rút ra và hàm ý chính sách cho Việt Nam**

Mặc dù Singapore, Hàn Quốc và Trung Quốc khác nhau về quy mô, thể chế và lịch sử nhưng cả ba đều chứng minh vai trò quyết định của nhà nước trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, bài học chung cho các nước đang phát triển trong kỷ nguyên 4.0 gồm: 1) Tầm nhìn chiến lược và định hướng chủ động cho công nghiệp hóa, số hóa, xanh hóa; nếu thiếu tầm nhìn, doanh nghiệp thiếu kim chỉ nam cho đầu tư dài hạn; 2) Thể chế hiệu quả, minh bạch để giảm chi phí tuân thủ, tăng tính tiên liệu, qua đó củng cố niềm tin và kích hoạt đầu tư tư nhân bền vững; 3) Đầu tư mạnh cho giáo dục và R&D làm nền tảng năng suất và đổi mới; nguồn nhân lực chất lượng cao cùng năng lực công nghệ (AI, IoT, sinh học, vật liệu mới...) quyết định khả năng bắt kịp và dẫn dắt; 4) Chính sách công nghiệp thông minh: Phối hợp thuế, tín dụng, thương mại và công nghệ để hỗ trợ đúng nhu cầu, đúng thời điểm; gắn hỗ trợ với điều kiện và thời hạn rõ ràng nhằm tránh ỷ lại. Mục tiêu là tạo lập thị trường chứ không thay thế thị trường; Nhà nước khắc phục thất bại thị trường, còn doanh nghiệp cạnh tranh bằng năng lực; 5) Hòa hòa giữa hội nhập và tự chủ: Tích cực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu để học hỏi và mở rộng thị trường, đồng thời xây dựng tự chủ ở các khâu trọng yếu. Điều này đòi hỏi chiến lược đa dạng hóa đối tác và nội địa hóa có chọn lọc những mắt xích liên quan an ninh kinh tế.

Việt Nam đang bước vào “kỷ nguyên vươn mình” với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số và trở thành nước phát triển thu nhập cao vào năm 2045, điều này đòi hỏi phải tạo ra những động lực mới về năng suất, đổi mới sáng tạo và công nghệ. Bài học từ kinh nghiệm quốc tế cho thấy, sự kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược quốc gia và năng lực thực thi của chính phủ có vai trò quyết định để tạo ra các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh toàn cầu. Việc nâng tầm năng lực doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân sẽ là chìa khóa để hình thành lực lượng

doanh nghiệp bản lĩnh, tự chủ và sáng tạo. Dưới đây là một số hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp:

*Một là*, định hướng chiến lược rõ ràng, tầm nhìn dài hạn. Việt Nam cần xác lập tầm nhìn công nghiệp hóa - hiện đại hóa đến giữa thế kỷ XXI trong kỷ nguyên số; lựa chọn một số cụm ngành ưu tiên tham gia vào chuỗi giá trị: Công nghệ thông tin, AI và kinh tế số; chế tạo thông minh (robot, tự động hóa); công nghiệp xanh và năng lượng tái tạo; công nghệ sinh học - dược; cùng các dịch vụ giá trị cao (tài chính, logistics thông minh, du lịch chất lượng). Qua đó, ban hành chiến lược quốc gia tương ứng (AI, sản xuất thông minh, hydrogen...) và khẳng định doanh nghiệp là trung tâm; nhà nước định hướng và tạo điều kiện, còn thành bại do năng lực và sáng tạo của doanh nghiệp.

*Hai là*, kiến tạo môi trường thể chế - kinh doanh thuận lợi. Tiếp tục cắt giảm mạnh thủ tục, hoàn thiện chính phủ số để giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp; tăng tính minh bạch và khả năng tiên liệu chính sách; xây dựng bộ máy chuyên nghiệp, liêm chính, xử lý nghiêm tham nhũng vặt; đầu tư hạ tầng chiến lược (cao tốc, cảng trung chuyển, 5G, trung tâm dữ liệu); cải cách thị trường các yếu tố (đất đai, vốn, lao động) để doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực với chi phí hợp lý; thiết lập cơ chế đối thoại công - tư thường xuyên nhằm giải quyết kịp thời vướng mắc. Môi trường càng thuận lợi, doanh nghiệp càng có dư địa tập trung vào năng lực cốt lõi.

*Ba là*, phát triển hệ thống đổi mới quốc gia, nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp. Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng chi cho R&D theo lộ trình, mở rộng ưu đãi thuế cho chi R&D; thành lập/đẩy mạnh quỹ đồng tài trợ đổi mới. Đồng thời, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ ở các đô thị lớn; hoàn thiện khung pháp lý cho các ngành công nghệ mới. Bên cạnh đó, chú trọng đổi mới

giáo dục đại học, dạy nghề gắn nhu cầu doanh nghiệp, triển khai mô hình đào tạo kép và có chính sách thu hút chuyên gia/kiều bào. Nhà nước cần đóng vai trò hỗ trợ, giúp doanh nghiệp làm chủ công nghệ mới.

*Bốn là*, xây dựng và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Trọng tâm hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, đặc biệt là SME, cần triển khai theo một lộ trình liên mạch. Về chuyển đổi số, cần hướng tới mục tiêu phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng thành thạo các công cụ số cơ bản trong quản trị và sản xuất. Về đổi mới và khởi nghiệp, cần đơn giản hóa thủ tục của các quỹ NAFOSTED/NATIF, ưu tiên tài trợ các dự án hợp tác viện - trường - doanh nghiệp, hoàn thiện khung pháp lý cho ESOP và sandbox gọi vốn, đồng thời thiết lập cơ chế đồng đầu tư cùng các quỹ tư nhân để nhân rộng tác động. Về tiêu chuẩn, chất lượng và thương hiệu, Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp đạt chứng nhận quốc tế, cung cấp dịch vụ thử nghiệm, đo lường mức độ đáng tin cậy và triển khai thực chất chương trình thương hiệu quốc gia. Về tín dụng, cần thành lập quỹ tín dụng cho các ngành công nghệ mới và mở rộng cơ chế bảo lãnh để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý.

*Năm là*, hỗ trợ doanh nghiệp quốc tế hóa và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, đầu tư theo chuẩn quốc tế; tận dụng các FTA thế hệ mới; phát triển công nghiệp hỗ trợ để liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa nội địa với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài; phát huy vai trò của các hiệp hội và mạng lưới kiều bào.

## 5. Kết luận

Để Việt Nam đạt được mục tiêu tăng trưởng hai con số trong kỷ nguyên vươn mình đòi hỏi phải hình thành được một lực lượng doanh nghiệp Việt có năng lực cạnh tranh quốc tế, chủ động đổi mới, làm chủ công nghệ và đủ sức đối mặt với các cú sốc toàn cầu. Chính phủ với vai

trò kiến tạo phát triển cần tiếp tục dám nghĩ lớn, dám thử nghiệm mô hình mới và xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp trưởng thành. Nếu tận dụng tốt bài học từ Singapore, Hàn Quốc

và Trung Quốc, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để thực hiện các mục tiêu, khát vọng phát triển, trở thành nước phát triển có thu nhập cao trong một vài thập kỷ tới ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amsden, A. H. (1989), *Asia's Next Giant: South Korea and Late Industrialization*, Oxford University Press, New York.
2. An Nhiên (2018), *Thành tựu kinh tế Trung Quốc sau 40 năm cải cách và mở cửa*, <https://www.tapchiconsang.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/53528/thanh-tuu-kinh-te-trung-quoc-sau-40-nam-cai-cach-va-mo-cua.aspx>
3. BNEWS (2022), *16 công ty Hàn Quốc lọt top 500 doanh nghiệp hàng đầu thế giới năm 2022*, <https://bnews.vn/16-cong-ty-han-quoc-lot-top-500-doanh-nghiep-hang-dau-the-gioi-nam-2022/272859.html>
4. Cerrato, D. & Depperu, D. (2011), *Unbundling the construct of firm-level international competitiveness*, *Multinational Business Review*, 19(4), 311-331. <https://doi.org/10.1108/15253831111190162>
5. Chang, H. J. & Amsden, A. H. (1994), *The political economy of industrial policy*, Macmillan Press, London.
6. Chia, S. Y. (2015), *Singapore's five decades of development: Lessons and future directions*, *Philippine Review of Economics*, 52(2), pp.38-64.
7. Enterprise Singapore (2022), *Annual report 2021-2022*, [https://www.enterprisesg.gov.sg/-/media/esg/files/resources/publications/annual-reports/Enterprisesg\\_ar2021\\_22.pdf](https://www.enterprisesg.gov.sg/-/media/esg/files/resources/publications/annual-reports/Enterprisesg_ar2021_22.pdf)
8. Government Technology Agency of Singapore (2024), *Smart Nation 2.0: Initiatives in Singapore*, <https://www.tech.gov.sg/technews/our-enhanced-smart-nation-vision-paving-the-way-for-a-new-digital-era/>
9. Intellectual Property Office of Singapore (2023), *Singapore moves up two notches in latest Global Innovation Index*, <https://www.ipos.gov.sg/news/news-collection/sg-moves-up-gdi/>
10. IMDA (2025), *Singapore's digital economy at 18.6% of GDP, up from 18.0% last year*, <https://www.imda.gov.sg/resources/press-releases-factsheets-and-speeches/press-releases/2025/singapore-digital-economy>
11. Johnson, C. (1982), *MITI and the Japanese miracle: The growth of industrial policy, 1925-1975*, Stanford University Press.
12. Ko, J. -W. & Kim, M. (2023), *Private sector accounts for 80% of Korean R&D investment in 2022*, [https://www.investkorea.org/ik-en/bbs/i-465/detail.do?ntt\\_sn=492385](https://www.investkorea.org/ik-en/bbs/i-465/detail.do?ntt_sn=492385)
13. MarketTimes (2023), *Xếp hạng 500 công ty lớn nhất thế giới năm 2023: Trung Quốc áp đảo Mỹ, chiếm gần 1/3 danh sách*, <https://markettimes.vn/xep-hang-500-cong-ty-lon-nhat-the-gioi-nam-2023-trung-quoc-ap-dao-my-chiem-gan-1-3-danh-sach-36052.html>
14. Ministry of Trade and Industry (2024), *Transforming the Singapore economy*, <https://www.mti.gov.sg/newsroom/transforming-the-singapore-economy/>
15. MTI (2026), *Free Trade Agreements (FTAs)*, <https://www.mti.gov.sg/trade-international-economic-relations/agreements/free-trade-agreements-fta/>
16. National Bureau of Statistics of China (2023), *Interpretation of the communiqué on national expenditures on science and technology in 2022*, <https://en.theorychina.org.cn/c/2023-12-06/1488261.shtml>
17. National Research Foundation Singapore (NRF) (2022), *Goals and priorities set under the Research, Innovation and Enterprise 2025 Plan (RIE2025)*, <https://www.nrf.gov.sg/goals-and-priorities-set-under-research-innovation-and-enterprise-2025-plan/>
18. OECD (2019), *SME and Entrepreneurship Outlook 2019*, [https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2019/05/oecd-sme-and-entrepreneurship-outlook-2019\\_7083aa23/34907e9c-en.pdf](https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2019/05/oecd-sme-and-entrepreneurship-outlook-2019_7083aa23/34907e9c-en.pdf)
19. Sheehan, M., Blumenthal, M. S. & Nelson, M. R. (2021), *Three takeaways from China's new standards strategy*, Carnegie Endowment for International Peace, <https://carnegieendowment.org/research/2021/10/three-takeaways-from-chinas-new-standards-strategy>
20. UNCTAD (2024), *World investment report 2024: Investment facilitation and digital government*, [https://unctad.org/system/files/official-document/wir2024\\_en.pdf](https://unctad.org/system/files/official-document/wir2024_en.pdf)
21. Wade, R. (2018), *Governing the market: Economic theory and the role of government in East Asian industrialization*, Princeton University Press.

22. Woo-Cumings, M. (Ed.) (2019), *The developmental state*, Cornell University Press.
23. World Bank (2020), *Doing business 2020: Comparing business regulation in 190 economies*, <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1440-2>
24. World Bank (2024), *High-technology exports (% of manufactured exports)*, <https://data.worldbank.org/indicator/TX.VAL.TECH.MF.ZS>
25. World Economic Forum (WEF) (2019), *The Global Competitiveness Report 2019*, [https://www3.weforum.org/docs/WEF\\_TheGlobalCompetitivenessReport2019.pdf](https://www3.weforum.org/docs/WEF_TheGlobalCompetitivenessReport2019.pdf)
26. WIPO (2023), *Global innovation index 2023: Singapore profile*, <https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo-pub-2000-2023/sg.pdf>



## GIỚI THIỆU SÁCH

# NHẬN DIỆN VÀ PHÒNG, CHỐNG LỪA ĐẢO TRỰC TUYẾN

**TÁC GIẢ: NGUYỄN THÁI BÌNH (Chủ biên)**

**Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật**

**Năm xuất bản: 2026**

**Số trang: 188**

**T**rong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội và các nền tảng số, các hình thức lừa đảo trực tuyến không ngừng biến đổi, ngày càng tinh vi và khó nhận diện. Nhiều vụ việc giả mạo cơ quan nhà nước, ngân hàng, website thương mại điện tử, ứng dụng số, email và tài khoản mạng xã hội đã gây thiệt hại lớn về tài sản và tâm lý cho cá nhân, tổ chức. Cuốn sách *Nhận diện và phòng, chống lừa đảo trực tuyến* cung cấp những phân tích gắn với thực tiễn cùng các khuyến nghị để áp dụng nhằm nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cho người dân trong bối cảnh các hành vi lừa đảo trên không gian mạng ngày càng gia tăng, qua đó góp phần xây dựng môi trường mạng an toàn, lành mạnh và bền vững.

Cuốn sách được kết cấu thành hai phần lớn:

*Phần thứ nhất* tập trung phân tích thực trạng, nguyên nhân và các hình thức lừa đảo trực tuyến phổ biến hiện nay. Trên cơ sở làm rõ bối cảnh phát triển của không gian mạng, cuốn sách đi sâu nhận diện các phương thức lừa đảo quen thuộc như: Giả mạo website, giả danh người thân, lừa đảo qua điện thoại, tin nhắn, email và các nền tảng mạng xã hội. Đặc biệt, việc lồng ghép các tình huống cụ thể giúp người đọc dễ dàng liên hệ với thực tế, từ đó nâng cao khả năng nhận diện và phòng tránh.

*Phần thứ hai* tập trung làm rõ các giải pháp và kỹ năng phòng, chống lừa đảo trực tuyến. Nội dung không chỉ dừng lại ở các biện pháp kỹ thuật như bảo mật tài khoản, xác thực nhiều lớp, bảo vệ dữ liệu cá nhân mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức, thói quen kiểm chứng thông tin và sự cảnh giác trong quá trình giao dịch trên môi trường số ■

**QUẢN ANH** giới thiệu